TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

Bản án: 59/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2017
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Thành Thật

+ Bà Lê Thị Thanh V

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên: Bà Nguyễn Mỹ Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2017/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017; Thông báo (Về việc thay đổi thời gian xét xử) số 03/2017/TB-TA ngày 12 tháng 6 năm 2017; và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Thanh V,** sinh năm 1977 (Có mặt)

Nơi cư trú: đường L, khóm 7, phường B, Tp. H, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn Q,** sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm T, phường M, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2017, có bổ sung ngày 23/02/2017, và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Q do quen biết, sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn ngày 14/8/2007 tại UBND phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Q không quan tâm đến gia đình và còn bạo hành đối với vợ con, hai bên đã hòa giải nhiều lần để hàn gắn lại gia đình Nng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị và anh Q đã ly thân khoảng 02 năm, anh Q về nhà cha mẹ ruột sống, thỉnh thoảng quay về nhà; đồng thời hiện nay theo chị biết thì anh Q đang quen và chung sống với người phụ nữ khác. Nay nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên nay chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Q.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh Q có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Xuân M, sinh ngày 06/4/2001 và Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/7/2007. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung vì hai cháu cũng có nguyện vọng sống cùng với chị và yêu cầu anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Q không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Trần Văn Q** không gửi tự khai trình bày ý kiến cho Tòa án và vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có ý kiến trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên có ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến; không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông đúng theo quy định của pháp luật là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vắng mặt là đúng qui định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng*:* Bị đơn anh Trần Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh V và anh Trần Văn Q kết hôn lần thứ nhất trên cơ sở tự nguyện vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn ngày 14/8/2007 tại UBND phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo qui định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay vợ chồng chị V, anh Q phát sinh mâu thuẫn, chị V xin ly hôn nên Tòa

án thụ lý giải quyết là phù hợp các qui định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị V cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2014, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Q không quan tâm đến gia đình và còn bạo hành đối với vợ con, hai bên đã hòa giải nhiều lần để hàn gắn lại gia đình nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị và anh Q đã ly thân khoảng 02 năm, anh Q về nhà cha mẹ ruột sống, thỉnh thoảng quay về nhà; đồng thời hiện nay theo chị biết thì anh Q đang quen và chung sống với người phụ nữ khác. Nay nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên nay chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Q.

Qua trình bày của chị V, Hội đồng xét xử xét thấy chị V và anh Q phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 và anh chị ly thân từ năm 2016. Tại phiên tòa hôm nay, chị V vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng với anh Q; cũng N việc anh Q đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, không có đến thăm nom hai con hay liên lạc với chị để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, cho thấy trong suốt thời gian dài qua, chị V anh Q không tạo điều kiện thăm nom, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, anh Q không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của chị V. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[3] Về quan hệ con chung: Chị V trình bày, anh chị có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Xuân M, sinh ngày 06/4/2001 và Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/7/2007. Hiện hai con chung đang do chị nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai con chung hiện do chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị V có công việc có thu nhập và sắp xếp được thời gian chăm sóc hai cháu. Đồng thời, hai cháu Trần Thị Xuân M và Trần Thị Huỳnh N cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị V (Tờ trình bày ý kiến nguyện vọng con chung ngày 24/02/2017). Do đó, xét về quyền lợi mọi mặt của con chung và để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị V: Theo qui định pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên, do đó anh Q phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung theo qui định pháp luật. Anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.300.000đ/tháng/02 con chung

(1/2 tháng lương tối thiểu 1.300.000đ/con chung), kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Chị Đỗ Thị Thanh V phải tạo điều kiện cho anh Trần Văn Q thăm nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Theo chị V thì chị và anh Q không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này chị V và anh Q có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý và giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị Thanh V phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010699 ngày 23/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

Anh Trần Văn Q phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử vắng mặt anh Trần Văn Q.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Thanh V được ly hôn với anh Trần Văn Q.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Đỗ Thị Thanh V và anh Trần Văn Q có hai con chung tên Trần Thị Xuân M, sinh ngày 06/4/2001 và Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/7/2007.

Chị Đỗ Thị Thanh V được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Thị Xuân M, sinh ngày 06/4/2001 và Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/7/2007.

Anh Trần Văn Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật. Anh Q phải cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 1.300.000đ (Một triệu, ba trăm nghìn đồng)/tháng/hai con chung (1/2 tháng lương tối thiểu 1.300.000đ/con chung), kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Chị Đỗ Thị Thanh V phải tạo điều kiện cho anh Trần Văn Q thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị Thanh V phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010699 ngày 23/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

Anh Trần Văn Q phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Chị Đỗ Thị Thanh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng./.

Phạm Thị Minh Châu

Nơi nhận:
- VKSND.TPLX;
- Đương sự ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Minh Châu